

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HSST

Ngày: 14/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Bình và ông Hồ Đắc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai: Ông Phan Tiến Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2026/TLST-HS ngày 11/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HS ngày 26/3/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Nhật T**, giới tính: Nam; sinh ngày 21/9/1994 tại tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052094001032; Nơi thường trú: **Số D N, phường Q, tỉnh Gia Lai** (trước đây là: **phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**); Nơi ở hiện nay: **Tổ H, khu phố G, phường Q, tỉnh Gia Lai** (trước đây là: **phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**); Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: **Nguyễn Kim T1** và bà: **Trần Thị Hoàng Tường V**; Vợ, con: chưa có; Anh, chị, em ruột: Có 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tam **giam Q**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- Người bào chữa:

Ông **Nguyễn Thế V1** – Luật sư **Công ty L1** – **Đoàn Luật sư tỉnh G** bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Nhật T** do gia đình bị cáo tự mời (có mặt).

- Bị hại: Ông **Huỳnh Văn H** (đã chết)

Nơi cư trú: **Tổ H, khu phố G, phường Q, tỉnh Gia Lai**.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị hại gồm có:

1. Bà Huỳnh Thị Phương T2, sinh năm 1995 (con của bị hại); Nơi cư trú: Tổ H, khu phố G, phường Q, tỉnh Gia Lai (Có mặt);

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990 (con của bị hại); Nơi cư trú: Hẻm B T, phường Q, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Hoàng Tường V; ông Nguyễn Kim T1; bà Nguyễn Thị Thúy N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình của bị cáo Nguyễn Nhật T và gia đình ông Huỳnh Văn H (sinh năm: 1970) là hàng xóm tại Tổ H, khu phố G, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). Trong sinh hoạt hàng ngày, giữa 02 gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã kéo dài. Khoảng 23 giờ ngày 08/11/2024, sau khi nhậu xong, bị cáo Nguyễn Nhật T đi về nhà. Trước khi vào nhà bị cáo T nhìn sang nhà ông H, thì ông H đang đứng ở sân nhà của mình lớn tiếng chửi bới thô tục nên bị cáo T chửi lại. Sau đó, giữa bị cáo T và ông Huỳnh Văn H xảy ra cãi vã, thách thức đánh nhau. Bà Trần Thị Hoàng Tường V (sinh năm: 1973, mẹ ruột của bị cáo T) nghe bị cáo T và ông H thách thức đánh nhau nên ra can ngăn. Bực tức vì việc bị cáo T chửi bới, thách thức nên ông H đi vào nhà lấy 02 thanh kim loại, dài khoảng 45cm (trong bộ giá đỡ ti vi), rồi trèo qua cổng nhà mình để đánh bị cáo T. Lúc này, bị cáo T và bà Trần Thị Hoàng Tường V đang đứng ở đường hẻm trước nhà (đường hẻm có độ dốc cao). Khi thấy ông H trèo qua cổng nhà thì chị Huỳnh Thị Phương T2 (sinh năm: 1995, con gái của ông H) can ngăn nhưng không được. Ông H trèo qua cổng, đứng ở bậc lên xuống trước nhà rồi cầm 02 thanh kim loại lao đến vị trí của bị cáo T, thì bị cáo T né tránh rồi dùng tay xô mạnh làm ông H ngã về phía sau, xuống đường hẻm có độ dốc cao. Phần đầu của ông H ngã trúng vào chân chống đứng và vùng gác chân sau, phục sau bên trái xe mô tô biển số 77L1-849.87 của chị Huỳnh Thị Phương T2 đang dựng ở đường hẻm gần đó nên bị thương tích, chảy nhiều máu. Thấy ông H bị ngã nên bị cáo T cùng bà V bỏ đi vào trong nhà. Ông H bị thương, được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu, điều trị. Đến ngày 09/11/2024, do thương tích nặng nên ông H chết tại bệnh viện.

Hiện trường vụ án được mô tả trong biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường.

Ngày 18/9/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã tiến hành thực nghiệm điều tra đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Nhật T.

Ngày 15/11/2024, Trung tâm Pháp y tỉnh B (nay là Trung tâm Pháp y tỉnh G) ban hành Kết luận giám định tử thi số 351/KLGĐTT-PYBD, kết luận nguyên nhân

chết của ông **Huỳnh Văn H** do: Chấn thương sọ não chảy máu nội sọ chèn ép não + đa chấn thương đã phẫu thuật điều trị không hồi phục.

Ngày 06/10/2025, Phân viện Khoa học hình sự tại **TP.** ban hành kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 1498/KL-KTHS về, kết luận:

- Tổn thương sọ não đặc điểm:

+ Vỡ xương trán qua xoang diện rộng kích thước 6x5cm, tổn thương này lớn hơn kích thước ngang (chiều rộng) của 02 thanh kim loại gửi giám định. Nếu chỉ 01 lần tác động không gây được tổn thương xương trán phức tạp như tổn thương của ông **Huỳnh Văn H**.

+ Vết thương xuyên sọ của ông **H** là vết thương sâu, vật gây ra tổn thương này đi sâu vào mô não khoảng 5-7cm, đẩy các bóng khí từ ngoài vào sâu trong nhu mô não từ 5-7cm.

Tổn thương xương tại các lỗ vào (khảo sát tại bản trong xương sọ) có kích thước 2,4x1cm. Với kích thước này, hai thanh kim loại không thể đi qua để gây ra các tổn thương mô não bên trong (mỗi thanh kim loại rộng 3-4cm).

- Các tổn thương khác

+ Bầm tụ máu hai mắt, xuất huyết nhãn cầu mắt phải (không có hình ảnh mô tả tổn thương).

+ Xây xát da hông phải kích thước 5x6cm, chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới (không có hình ảnh mô tả tổn thương).

+ Xây xát da đầu ngón I chân trái (không có hình ảnh mô tả tổn thương).

Mẫu vật gửi giám định là: 02 thanh kim loại, mỗi thanh nặng 300g, dày 0,1cm, dài 45 cm, có diện cắt ngang hình chữ U, chiều rộng 3,4cm, hai cạnh hai bên cao 1cm. Trên thân thanh kim loại có khoét các khe hở. Giữa thân thanh kim loại được hàn thêm 01 miếng kim loại khác rộng 2,9cm, dày 0,1cm. Phần nhô ra của miếng kim loại so với thanh kim loại có hình dạng chữ L, cạnh dài 6cm, cạnh ngắn 3,4cm. Trên miếng kim loại được gắn 01 vít kim loại.

- Kết luận cơ chế hình thành thương tích:

+ Vết thương sọ não vùng trán hai bên của ông **Huỳnh Văn H** do vật tày gây nên. Tổn thương bầm tím hai mắt là do vỡ trần ở mắt hai bên (Có nguyên nhân từ vết thương sọ não vùng trán) làm cho máu nội sọ ngấm xuống tổ chức liên kết trong hố mắt gây nên.

+ Các vết xây xát da tại vùng hông phải và ngón 1 chân trái do vật tày gây nên;

- Các kết luận khác:

+ Hai thanh kim loại gửi giám định không gây được vết thương sọ não như trên cơ thể ông **Huỳnh Văn H**;

+ Vì không có hình ảnh mô tả các vết thương xây sát da nên không đủ cơ sở để xác định hai thanh kim loại có gây ra được các vết xây sát này hay không.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 02 thanh kim loại màu đen, chiều dài mỗi thanh là 45 cm, trên mỗi thanh có các lỗ tròn dùng để gắn ốc, vít.

Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Nhật T bồi thường số tiền 450.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Nhật T đã bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 20/11/2025, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Nhật T về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Làm chết người” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Nhật T khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47/BLHS 2015, 106/BLTTHS 2015 đề nghị: Tịch thu tiêu hủy, vật chứng của vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng gồm: 02 thanh kim loại màu đen, chiều dài mỗi thanh là 45 cm, trên mỗi thanh có các lỗ tròn dùng để gắn ốc, vít.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Nhật T phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Văn H các khoản:

- Chi phí điều trị tại Bệnh viện: 3.468.258 đồng
- Chi phí mai táng: 48.543.000 đồng
- Bồi thường tổn thất về tinh thần: 234.000.000 đồng (100 tháng lương cơ sở).

Tổng các khoản là: 286.011.258 đồng.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo Nguyễn Nhật T thừa nhận hành vi phạm tội không bào chữa.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Thế VI trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật T: Tôi thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai đã truy tố bị cáo. Theo lời khai của bị cáo T cũng như Kết luận điều tra và Cáo trạng của các cơ quan tiến hành tố tụng cho thấy vào tối ngày 08/11/2024, sau khi đi làm về bị cáo T có uống vài chai bia thì bị cáo T về nhà,

khi vừa chuẩn bị mở cửa rào để vào nhà thì bị cáo có nghe tiếng động phía bên nhà của bị hại nên theo quán tính có nhìn ra phía sau; thấy vậy ông H đã chửi T và sau đó hai bên có lời qua tiếng lại; tuy nhiên bị hại ông H lại vào nhà lấy 2 thanh kim loại là kìm và dao ra, mặc dù cổng nhà bị hại đã khoá nhưng vẫn cố leo qua cổng để đánh bị cáo T; bị hại đã dùng 2 thanh kim loại bổ, đánh vào người bị cáo T, bất ngờ nên bị cáo lấy tay đỡ và do sợ ông H tiếp tục đánh nên bị cáo đẩy, xô ra để chạy vào nhà; nhưng do trước nhà 2 người là con dốc nên khiến ông H mất thăng bằng, bị té lăn xuống dốc và trúng vào xe máy gây thiệt hại như ngày hôm nay; bị cáo T thực sự cũng không muốn hậu quả của bị hại như bây giờ, bị hại mất là ngoài suy nghĩ của bị cáo. Bị cáo đã gây ra hậu quả chết người nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Tuy nhiên cũng kính mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết của vụ án có tình có lý, cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như sau:

Thứ nhất: Theo diễn biến của vụ việc trên cho thấy hai bên có lời qua tiếng lại nhưng bị hại đã có hành vi từ trong nhà, mặc dù cổng đang khoá nhưng vẫn cố lao ra, trèo qua cổng để đánh bị cáo T; nếu bị hại vẫn ở trong nhà, không quyết liệt trèo cổng ra đánh bị cáo thì hậu quả ngày hôm nay chắc chắn không xảy ra; bị hại cũng không mất mà bị cáo cũng không phải chịu vòng lao lý như ngày hôm nay. Cho thấy bị hại cũng có phần lỗi mà đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến hậu quả như ngày hôm nay; nên kính mong HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trước tới khi xảy ra vụ việc là người con hiếu thảo, đi làm kiếm tiền lo cho mẹ, cho gia đình; là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương nên kính mong HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Thứ hai: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cho thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên tôi đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Thứ ba: Tôi cũng đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo dù đang bị tạm giam, gia đình rất khó khăn nhưng cũng đã chủ động nói với gia đình bồi thường, khắc phục cho các bị hại với số tiền là 40.000.000 đồng.

Thứ tư: Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo phạm tội trong trường hợp này là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời đề nghị HĐXX cũng xem xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bởi lẽ: Bị hại ông H vào nhà lấy 2 thanh sắt là kìm và dao ra, trèo qua cổng nhà để đánh bị cáo; trong khi bị cáo chỉ không có gì để chống trả, khi bị hại đánh chỉ biết đứng đỡ và khi đỡ sợ bị hại tiếp tục đánh nên đã gạt, xô bị hại ra; vì tình huống cấp thiết, không còn cách nào khác là phải đỡ để phòng vệ cho bản thân mình; và gạt, đẩy bị hại ra để không tiếp

tục tấn công mình; nếu không gạt, đỡ thì có lẽ người bị mất có thể là bị cáo khi mà bị 2 thanh sắt đánh vào vùng đầu, vào người.

Thứ 5: Vì bị cáo có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51. Nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo; xử mức hình phạt dưới mức khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Bên cạnh đó hiện nay hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn; bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Thứ 6: Đối với lời khai đại diện hợp pháp của bị hại bà **T2** là không có căn cứ, không đúng sự thật; bởi vì như trong hồ sơ cũng thể hiện trước đây gia đình chị và gia đình bị cáo đã có hiềm khích với nhau, nay xảy ra sự việc khó tránh khỏi vì tức giận có lời khai, lời làm chứng không khách quan, bất lợi cho bị cáo là hoàn toàn có thể xảy ra. Ngoài ra theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện lời khai, lời nại của chị **T2** là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan tố tụng đã thu thập được.

Từ những vấn đề tôi đã phân tích trên đây: Kính mong HĐXX áp dụng các quy định pháp luật mà tôi đã phân tích ở trên, cộng với xem xét tính khoan hồng của pháp luật để tuyên mức hình phạt 05 năm tù giam là đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo; ngoài ra còn giúp cho bị cáo sớm trở về với xã hội, về với gia đình, tạo dựng cuộc sống tương lai cho bị cáo, và lo cho mẹ.

Ngoài ra, về phần bồi thường dân sự thì đề nghị HĐXX áp dụng đúng theo Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng như các khoản chi phí phải có hoá đơn chứng từ đúng theo quy định để áp dụng mức bồi thường đúng theo quy định của pháp luật; còn những chi phí không phù hợp với quy định và không có hoá đơn thì đề nghị Toà không chấp nhận.

- Bị cáo **Nguyễn Nhật T** không bào chữa bổ sung gì thêm.

- *Đại diện theo pháp luật của bị hại trình bày ý kiến:*

- + Bị cáo **Nguyễn Nhật T** dùng hung khí nguy hiểm là 02 thanh sắt nhằm vào vùng đầu là vùng trọng yếu của ba tôi (**Huỳnh Văn H**) để đánh, tiếp đến còn dùng thanh sắt đánh vào vùng lưng của ba tôi; vết thương dẫn đến ba tôi chết là do bị cáo dùng thanh sắt đánh vào vùng trọng yếu (vùng đầu) gây ra.

- + Lời khai của bị cáo được Viện kiểm sát ghi nhận còn lời khai của tôi trong quá trình điều tra và tại phiên toà không được Viện kiểm sát ghi nhận. Ngoài ra bà **Trần Thị Hoàng Tường V** là mẹ của bị cáo lúc này có mặt ở nơi xảy ra sự việc, bà **V** có hành vi chửi bới ba tôi, có lời nói xúi giục bị cáo đánh ba tôi, khi bị cáo xô ba tôi ngã ngay đoạn dốc và trúng vào xe mô tô tôi đang dựng, tôi thấy ba tôi nằm im máu chảy rất nhiều, tôi la lên nhờ mọi người đưa ba tôi đi cấp cứu. Bà **V** thấy vậy còn

ngăn cản bị cáo **T**, đẩy bị cáo **T** vào nhà không cho bị cáo đưa ba tôi đi cấp cứu kịp thời. Do đó, bà **V** có vai trò đồng phạm với bị cáo trong việc gây ra cái chết của ba tôi.

+ Bị cáo nhỏ tuổi hơn có hành vi chửi bới ba tôi làm cho ba tôi mới tức giận mới dùng 02 thanh sắt để dọa đánh bị cáo. Ba tôi đã lớn tuổi thể trạng nhỏ hơn, bị cáo cao to hơn làm sao ba tôi đánh được bị cáo. Chỉ vì mâu thuẫn không đáng kể bị cáo dùng thanh sắt đánh vào vùng trọng yếu của ba tôi, xô ba tôi ngã ở ngay đoạn dốc cao trúng vào xe mô tô tôi đang dừng. Nhưng nguyên nhân ba tôi chết là vết thương ở vùng trọng yếu gây ra. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo phạm vào tội “Giết người” với tính chất côn đồ. Đồng thời xem xét hành vi đồng phạm của bà **V**.

+ Về phần bồi thường thiệt hại, gia đình chúng tôi yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 450.000.000 đồng (đã nộp bản kê bồi thường) đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo **Nguyễn Nhật T** rất hối hận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh G**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Nhật T** khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa nên HĐXX có cơ sở để kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn kéo dài trong sinh hoạt hàng ngày giữa hai gia đình, vào khoảng 23 giờ ngày 08/11/2024, tại **Tổ H, khu phố G, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai)**, giữa bị cáo **Nguyễn Nhật T** và ông **Huỳnh Văn H** xảy ra cãi vã, thách thức đánh nhau. Ông **Huỳnh Văn H** là người chủ động sử dụng 02 thanh kim loại lấy từ trong nhà, trèo qua cổng sang khu vực trước nhà bị cáo để tấn công. Khi ông **H** cầm 02 thanh kim loại lao đến vị trí của bị cáo **T** đang đứng thì bị cáo **T** né tránh, đồng thời dùng tay xô ông **H** ngã xuống đường hẻm có độ dốc cao, làm phần đầu của ông **H** va đập vào chân chống đứng, vùng gác chân sau và phục sau bên trái của xe mô tô biển số 77L1-849.87 đang dừng tại đường hẻm, gây thương tích. Ông **H** được đưa đi cấp cứu nhưng do thương tích nặng nên đã tử vong.

Căn cứ các kết luận giám định xác định thương tích dẫn đến tử vong của ông Huỳnh Văn H là do va đập vào vật tày tại hiện trường, không phải do 02 thanh kim loại gây ra, nên có đủ cơ sở xác định hành vi dùng tay xô của bị cáo là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả chết người.

Bị cáo Nguyễn Nhật T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác là vi phạm pháp luật. Trong tình huống bị ông Huỳnh Văn H sử dụng hung khí tấn công, bị cáo có quyền chống trả để tự vệ; song việc bị cáo dùng tay xô mạnh làm ông H ngã tại khu vực đường hẻm có độ dốc, gần các vật cứng, kim loại, bị cáo phải nhận thức được hành vi đó có khả năng gây nguy hiểm đến sức khỏe, thậm chí tính mạng của ông H nhưng vẫn thực hiện. Trong vụ án này, bị hại Huỳnh Văn H là người có lỗi trước khi đã chủ động sử dụng hung khí nguy hiểm để tấn công bị cáo. Hành vi của bị cáo Nguyễn Nhật T mang tính chất bột phát, bị cáo xô đẩy bị hại nhằm mục đích ngăn chặn sự tấn công của bị hại, không nhằm tước đoạt tính mạng của bị hại; hậu quả chết người xảy ra là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Nhật T về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “làm chết người” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi do bị cáo Nguyễn Nhật T gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là làm chết người, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy:

4.1 Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Nhật T có nhân thân tốt, trước đây chưa vi phạm gì;

4.2 Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Nhật T không có tình tiết tăng nặng.

4.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại để khắc phục một phần hậu quả xảy ra đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi do có hành vi đánh bị cáo trước, được HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 450.000.000 đồng, trong đó chi phí điều trị tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** từ ngày 08/11/2024 đến ngày 10/11/2024 là 17.375.000 đồng; Chi phí mai táng là 48.543.000 đồng; Tiền đất huyết là 26.500.000 đồng; **T3** xây mộ là 43.900.000 đồng; **T3** bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 100 lần tháng lương cơ sở là 234.000.000 đồng; Tiền phục vụ ăn uống, thuê thầy cúng là 41.557.000 đồng và các chi phí khác là 38.125.000 đồng (không có hoá đơn).

Bị cáo **Nguyễn Nhật T** đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng và đề nghị HĐXX xem xét các khoản bồi thường còn lại theo yêu cầu của gia đình bị hại theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với các khoản: Chi phí mai táng là 48.543.000 đồng; Tiền đất huyết là 26.500.000 đồng là chính đáng có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với chi phí điều trị tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** từ ngày 08/11/2024 đến ngày 10/11/2024 chỉ chấp nhận là 3.468.000 đồng (chi phí thực tế chi trả viện phí).

- Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần bằng 100 lần tháng lương cơ sở là 234.000.000 đồng của đại diện hợp pháp bị hại là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

- Đối với các khoản: Tiền phục vụ ăn uống, thuê thầy cúng là 41.557.000 đồng, tiền xây mộ là 43.900.000 đồng và các chi phí khác là 38.125.000 đồng (không có hoá đơn). Các khoản bồi thường này không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Buộc bị cáo **Nguyễn Nhật T** có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là 312.511.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng, nên còn bồi thường số tiền còn lại là 272.511.000 đồng.

[6] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 thanh kim loại màu đen, chiều dài mỗi thanh là 45 cm, trên mỗi thanh có các lỗ tròn dùng để gắn ốc, vít. Xét thấy, đây là 02 thanh kim loại bị hại dùng để đánh bị cáo, các vật chứng này hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo **T** có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bị hại nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời bào chữa của luật sư **Nguyễn Thế V1** cho bị cáo **Nguyễn Nhật T**: Tại phiên tòa, luật sư bào chữa thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: hoàn cảnh gia đình của bị cáo, nhân thân, việc bị hại có lỗi trong vụ án, cũng như việc bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Hội đồng xét xử đã xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến bào chữa cùng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; do đó sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: “*phạm tội trong trường hợp này vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, vì tình tiết này chỉ áp dụng đối với khách thể xâm hại là tài sản.

[9] Xét ý kiến của đại diện hợp pháp của bị hại **Huỳnh Văn H**: Tại phiên tòa cho rằng bị cáo **Nguyễn Nhật T** đã dùng hung khí nguy hiểm là 02 thanh sắt đánh vào vùng đầu, vùng lưng của bị hại, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của bị hại; đồng thời cho rằng hành vi của bị cáo cấu thành tội “Giết người” với tính chất côn đồ và đề nghị xem xét vai trò đồng phạm của bà **Trần Thị Hoàng Tường V**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Lời khai của đại diện bị hại về việc bị cáo dùng thanh sắt đánh vào vùng đầu bị hại không được các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa chứng minh một cách khách quan, đầy đủ. Ngược lại, căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định pháp y về nguyên nhân chết của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi chính của bị cáo là dùng tay xô đẩy làm bị hại ngã tại khu vực đường hẻm có độ dốc, va đập vào các vật cứng, từ đó dẫn đến hậu quả chết người. Do đó, không có căn cứ xác định bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trọng yếu của bị hại như ý kiến trình bày của đại diện bị hại.

Đối với ý kiến cho rằng bà **Trần Thị Hoàng Tường V** có vai trò đồng phạm, Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa không đủ cơ sở chứng minh bà **V** có hành vi xúi giục, giúp sức hoặc cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo. Do đó, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà **V** trong vụ án này.

Đối với ý kiến cho rằng hành vi của bị cáo cấu thành tội “Giết người” với tính chất côn đồ, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo xảy ra trong bối cảnh bị hại là người có lỗi trước khi đã chủ động sử dụng hung khí nguy hiểm để tấn công bị cáo; bị cáo thực hiện hành vi trong trạng thái bột phát nhằm chống trả, ngăn chặn sự tấn công, không có sự chuẩn bị trước, không có mục đích tước đoạt tính mạng của bị hại. Hậu quả chết người xảy ra là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ để xác định bị cáo phạm tội “Giết người” như đề nghị của đại diện bị hại.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 450.000.000 đồng của gia đình bị hại, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[10] Xét lời luận tội của đại diện viện kiểm sát: Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo và các phần đề nghị khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 591 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Nhật T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhật T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2024.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo **Nguyễn Nhật T** phải bồi thường cho bà **Huỳnh Thị Phương T2**, sinh năm 1995 (con của bị hại) và bà **Huỳnh Thị Mỹ N**, sinh năm 1990 (con của bị hại) là đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là 272.511.000 đồng (ngoài số tiền 40.000.000 đồng đã bồi thường trước).

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 02 thanh kim loại màu đen, chiều dài 45 cm mỗi thanh, trên mỗi thanh có các lỗ tròn dùng để gắn ốc, vít.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Gia Lai.

5. Án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Nhật T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Gia Lai;
- Phân trại tạm giam Quy Nhơn;
- Bị cáo;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đình Hưng